

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN PHẦN MỀM KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Vũ Việt* - Ths. Vũ Quang Hưng*

Phần mềm kế toán (PMKT) là một công cụ thiết yếu hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác kế toán và quản trị tài chính. Việc lựa chọn và ứng dụng PMKT tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNN&V) chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố công nghệ, tổ chức và môi trường. Bài viết này nghiên cứu tác động của các nhân tố như chi phí, tính năng, uy tín nhà cung cấp, hỗ trợ kỹ thuật, bảo mật và tuân thủ pháp lý đến quyết định lựa chọn PMKT của DNN&V tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình lý thuyết kết hợp TAM, UTAUT2 và ISS cùng các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng phần mềm trong thực tiễn.

• Từ khóa: phần mềm kế toán; doanh nghiệp nhỏ và vừa; nhân tố ảnh hưởng; quyết định lựa chọn; chuyển đổi số.

Accounting software (AS) is an essential tool supporting enterprises in performing accounting tasks and financial management. The adoption and selection of AS among small and medium-sized enterprises (SMEs) are influenced by various factors related to technology, organization, and the external environment. This paper investigates the impact of key factors such as cost, functionality, vendor reputation, technical support, data security, and legal compliance on the decision to adopt AS in Vietnamese SMEs. Based on this analysis, the study proposes a theoretical framework integrating TAM, UTAUT2, and ISS models, and offers practical solutions to enhance the effectiveness of AS adoption.

• Key words: accounting software; small and medium-sized enterprises; influencing factors; adoption decision; digital transformation.

Ngày gửi bài: 17/01/2025

Ngày gửi phản biện: 24/01/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 23/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 25/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i292.07>

Giới thiệu

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số trở thành một xu hướng tất yếu trong hoạt động quản lý tài chính - kế toán của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với khối DNN&V, vốn chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam. Việc ứng dụng PMKT hiện đại giúp DNN&V nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, minh bạch hóa thông tin và tuân thủ các quy định pháp lý. Tuy nhiên, việc lựa chọn và triển khai PMKT

vẫn gặp nhiều rào cản như chi phí, nhận thức công nghệ, khả năng tích hợp và hỗ trợ kỹ thuật.

Đáp ứng yêu cầu từ chính sách quốc gia như Nghị quyết 68-NQ/TW và Chỉ thị 10/CT-TTg về thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và DNN&V, nhiều doanh nghiệp được hỗ trợ tiếp cận PMKT miễn phí, đồng thời được tạo điều kiện về thể chế và công nghệ. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này tập trung xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT tại các DNN&V, nhằm đề xuất các khuyến nghị phù hợp cho doanh nghiệp, nhà cung cấp phần mềm và nhà hoạch định chính sách trong quá trình thúc đẩy chuyển đổi số tài chính tại Việt Nam.

Cơ sở lựa chọn mô hình nghiên cứu

Trong bối cảnh DNN&V ngày càng chú trọng ứng dụng công nghệ vào hoạt động kế toán, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT trở nên cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tài chính. Để phân tích các nhân tố này một cách hệ thống, việc xây dựng mô hình nghiên cứu trên nền tảng các lý thuyết phù hợp là điều quan trọng, giúp đảm bảo tính logic, khả năng đo lường và giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

Xây dựng giả thuyết

Việc xây dựng giả thuyết đóng vai trò nền tảng trong việc khám phá bản chất và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định lựa chọn PMKT tại các DNN&V. Các giả thuyết trong nghiên cứu này được thiết lập dựa trên ba mô hình lý thuyết kinh điển: Mô hình Chấp nhận Công nghệ (TAM - Davis, 1989), Mô hình Thống nhất về Chấp nhận và Sử dụng Công nghệ (UTAUT2 - Venkatesh et al., 2012), và Mô hình

* Học viện Tài chính

Thành công Hệ thống Thông tin (ISS - DeLone & McLean, 2003), kết hợp với bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam.

Giả thuyết 1: Chi phí sử dụng PMKT ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định áp dụng PMKT trong DNN&V

Chi phí sử dụng PMKT gồm chi phí bản quyền, đào tạo, triển khai và bảo trì hệ thống. Theo Davis (1989), chi phí ảnh hưởng gián tiếp đến ý định sử dụng thông qua nhận thức về tính hữu ích (PU) và tính dễ sử dụng (PEOU). UTAUT2 xem “Price Value” là yếu tố phản ánh sự đánh đổi giữa lợi ích nhận được và chi phí bỏ ra (Venkatesh và cộng sự, 2012). DeLone & McLean (2003) cũng cho thấy rằng chi phí ảnh hưởng đến mức độ hài lòng và lợi ích ròng. Ifinedo (2008) và Trần và cộng sự. (2018) đều xác định chi phí là rào cản chính trong việc ứng dụng PMKT tại các DNN&V.

Giả thuyết 2: Tính năng và khả năng mở rộng của PMKT ảnh hưởng tích cực đến quyết định áp dụng PMKT trong DNN&V

Một phần mềm có đầy đủ tính năng nghiệp vụ như lập báo cáo tài chính, quản lý thuế, kho, lương... làm tăng Perceived Usefulness (Davis, 1989). Khả năng mở rộng (scalability) - như khả năng thêm người dùng, tích hợp hệ thống - thuộc nhóm *Facilitating Conditions* theo UTAUT2 (Venkatesh và cộng sự, 2012), giúp giảm rào cản kỹ thuật. Trong mô hình ISS, DeLone & McLean (2003) xác định rằng tính năng và khả năng mở rộng góp phần tăng System Quality và Net Benefits, từ đó nâng cao sự hài lòng và hành vi duy trì sử dụng phần mềm.

Giả thuyết 3: Tính khả dụng của PMKT ảnh hưởng tích cực đến quyết định áp dụng PMKT trong DNN&V

Tính khả dụng (usability) bao gồm giao diện dễ dùng và khả năng tiếp cận tài liệu. Theo Davis (1989), đây là yếu tố cốt lõi hình thành Perceived Ease of Use, ảnh hưởng trực tiếp đến Behavioral Intention. UTAUT2 bổ sung rằng các *Facilitating Conditions* như tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật làm tăng khả năng triển khai và duy trì sử dụng phần mềm (Venkatesh và cộng sự, 2012). ISS xác định tính khả dụng là thành phần của System Quality, từ đó ảnh hưởng đến User Satisfaction và Net Benefits (DeLone & McLean, 2003).

Giả thuyết 4: Uy tín và độ tin cậy của nhà cung cấp PMKT ảnh hưởng tích cực đến quyết định áp dụng PMKT trong DNN&V

Theo TAM, nhận thức về tính hữu ích phụ thuộc một phần vào độ tin cậy và hỗ trợ từ nhà cung cấp (Davis, 1989). UTAUT2 nhấn mạnh vai trò của Social Influence, thể hiện qua phản hồi tích cực từ cộng đồng

người dùng (Venkatesh và cộng sự, 2012). DeLone & McLean (2003) xác định Service Quality của nhà cung cấp là yếu tố nâng cao User Satisfaction. Các nghiên cứu như của Premkumar & Roberts (1999) chỉ ra rằng nhà cung cấp có kinh nghiệm và uy tín là yếu tố quyết định trong việc thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ áp dụng công nghệ mới.

Giả thuyết 5: Tuân thủ pháp luật và quy định tài chính của PMKT ảnh hưởng tích cực đến quyết định áp dụng trong DNN&V

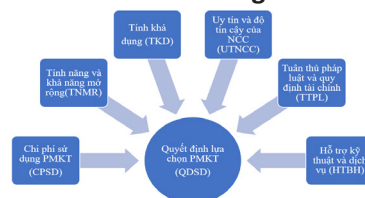
PMKT có khả năng cập nhật kịp thời các thay đổi về thuế và kế toán sẽ được người dùng đánh giá cao về tính hữu ích (Davis, 1989). UTAUT2 xếp tính năng tuân thủ pháp lý vào nhóm *Facilitating Conditions* (Venkatesh et al., 2012), giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý. Theo DeLone & McLean (2003), các tính năng hỗ trợ lập báo cáo tài chính hợp chuẩn giúp nâng cao Information Quality, từ đó cải thiện Net Benefits. Nghiên cứu của Pham et al. (2021) cho thấy rằng việc tuân thủ quy định tài chính là một trong những tiêu chí hàng đầu trong việc lựa chọn PMKT tại Việt Nam.

Giả thuyết 6: Chất lượng hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng ảnh hưởng tích cực đến quyết định áp dụng PMKT trong DNN&V

Hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ hậu mãi là yếu tố thiết yếu, nhất là với các DNN&V không có bộ phận IT riêng. Theo TAM, hỗ trợ hiệu quả từ nhà cung cấp làm tăng Perceived Usefulness và củng cố niềm tin sử dụng (Davis, 1989). UTAUT2 đưa hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo vào nhóm *Facilitating Conditions* (Venkatesh và cộng sự, 2012). Trong ISS, Service Quality quyết định mức độ User Satisfaction và Net Benefits (DeLone & McLean, 2003). Nghiên cứu của Nguyen & Nguyen (2020) tại Việt Nam cho thấy chất lượng hỗ trợ kỹ thuật là nhân tố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý định tiếp tục sử dụng phần mềm kế toán.

Mô hình nghiên cứu

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả đề xuất

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT tại DNN&V Việt Nam là cần thiết để nâng cao hiệu quả quản trị tài chính. Dựa trên các mô hình TAM, UTAUT2 và ISS, nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố công nghệ, tổ chức

và môi trường với hành vi chấp nhận phần mềm kế toán, nhằm cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho ứng dụng hiệu quả trong doanh nghiệp.

Căn cứ vào mô hình nghiên cứu, tác giả đưa ra các giả thuyết của mô hình gồm:

H1: Chi phí sử dụng PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

H2: Tính năng và khả năng mở rộng của PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

H3: Tính khả dụng của PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

H4: Uy tín và độ tin cậy của nhà cung cấp PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

H5: Khả năng tuân thủ pháp luật và quy định tài chính của PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

H6: Chất lượng hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng của PMKT có ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn PMKT trong các DNN&V tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp: định tính và định lượng. Giai đoạn định tính gồm phỏng vấn chuyên gia, người sử dụng phần mềm để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng PMKT trong DNN&V. Giai đoạn định lượng được thực hiện thông qua khảo sát với bảng hỏi Likert 7 mức, xử lý bằng SPSS 26 với các bước: Cronbach’s Alpha, EFA và hồi quy tuyến tính.

Tác giả đã phát ra 700 phiếu điều tra, thu về 512 phiếu (tỷ lệ hồi đáp 73,14%), trong đó có 503 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Kết quả được tổng hợp nhằm kiểm định mô hình và đề xuất các khuyến nghị phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.

Bảng 1. Mã hóa các thang đo của các biến

Mã hóa	Nội dung
CPSD	Chi phí sử dụng PMKT
CPSD1	Mức giá PMKT chúng tôi sẵn sàng thanh toán phù hợp với giá phí bản quyền đưa ra
CPSD2	Mức giá chúng tôi sẵn sàng trả phù hợp với giá phí bảo trì, nâng cấp PMKT
CPSD3	Chi phí đầu tư liên quan đến việc sử dụng PMKT phù hợp với lợi ích mang lại
CPSD4	Kinh phí đào tạo nhân viên sử dụng PMKT hợp lý
TNMR	Tính năng và khả năng mở rộng của PMKT
TNMR1	PMKT đảm bảo tính linh hoạt
TNMR2	PMKT đảm bảo có độ tin cậy và tính chính xác cao
TNMR3	PMKT phải đảm bảo tính bảo mật và an toàn
TNMR4	PMKT phải có tốc độ xử lý nhanh, ổn định
TKD	Tính khả dụng của PMKT
TKD1	Giao diện phần mềm dễ sử dụng ngay cả với người không rành công nghệ
TKD2	Các chức năng chính được bố trí khoa học và dễ dàng truy cập.
TKD3	Giao diện trực quan hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ kế toán nhanh chóng
TKD4	PMKT phù hợp với nhu cầu xử lý và cung cấp thông tin

Mã hóa	Nội dung
TKD5	PMKT hỗ trợ thông báo lỗi và hướng dẫn sửa lỗi
TKD6	PMKT có khả năng hỗ trợ thao tác cho người dùng, đặc biệt là người mới dùng
UTNCC	Uy tín và độ tin cậy của nhà cung cấp PMKT
UTNCC1	Nhà cung cấp phần mềm có thương hiệu uy tín và được nhiều doanh nghiệp sử dụng.
UTNCC2	Nhà cung cấp phần mềm có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán.
UTNCC3	Danh tiếng của nhà cung cấp tạo niềm tin cho doanh nghiệp khi lựa chọn sản phẩm.
UTNCC4	Nhà cung cấp luôn đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình sử dụng phần mềm.
TTPL	Tuân thủ pháp luật và quy định tài chính của PMKT
TTPL1	Phần mềm cập nhật kịp thời các thay đổi trong Luật Kế toán Việt Nam
TTPL2	Phần mềm hỗ trợ việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
TTPL3	Các tính năng trong phần mềm tuân thủ đầy đủ các quy định về thuế và tài chính tại Việt Nam.
TTPL4	Các báo cáo tài chính được lập bằng phần mềm phù hợp với quy định pháp luật
HTBH	Hỗ trợ và Dịch vụ sau bán hàng
HTBH1	Nhà cung cấp hỗ trợ kỹ thuật kịp thời khi phần mềm gặp sự cố
HTBH2	Chất lượng dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng kỳ vọng của doanh nghiệp
HTBH3	Đội ngũ kỹ thuật của nhà cung cấp có chuyên môn cao và thái độ phục vụ tốt
HTBH4	Các phiên bản nâng cấp phần mềm được cung cấp kịp thời và hiệu quả
HTBH5	Dịch vụ hỗ trợ trực tuyến giúp giải quyết vấn đề kịp thời và hiệu quả.
HTBH6	Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm chi tiết và dễ hiểu.
QĐSD	Quyết định lựa chọn sử dụng PMKT
QĐSD1	PMKT giúp tăng hiệu quả trong quy trình kế toán của doanh nghiệp
QĐSD2	PMKT hỗ trợ cải thiện độ chính xác trong lập báo cáo tài chính.
QĐSD3	Phần mềm tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương pháp kế toán truyền thống.
QĐSD4	PMKT cung cấp đầy đủ tính năng đáp ứng nhu cầu kế toán của doanh nghiệp

Kiểm định mô hình nghiên cứu

Tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, thể hiện ở bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa	Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến
	B	Sai số chuẩn	Beta		Độ chấp nhận (VIF)
(Constant)	-,149	,200		-,738	,000
CPSD	,215	,040	,212	5,373	,000
TNMR	,224	,050	,172	4,486	,000
UTNCC	,240	,042	,201	5,646	,000
TTPL	,174	,037	,170	4,650	,000
BMPL	,198	,050	,153	3,999	,000
HTBH	,246	,044	,225	5,599	,000

ANOVA^a

Mô hình	Tổng các bình phương	Df	Trung bình các bình phương	F	Sig.
Hồi quy	462,523	6	77,087	119,447	,000 ^b
Phần dư	226,524	351	,645		
Tổng	689,046	357			

Bảng 3. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	,819 ^a	,671	,666	,80335	1,783

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội cho thấy mô hình nghiên cứu có độ phù hợp cao, với hệ số R² hiệu chỉnh đạt 0,666, tức là 66,6% biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập. Hệ số Durbin-Watson = 1,783 (<3) chứng tỏ không có hiện tượng tự tương quan.

Kiểm định ANOVA cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê cao (Sig. = 0,000 < 0,05), khẳng định mô hình hồi quy phù hợp với tổng thể.

Bảng hệ số hồi quy cho thấy tất cả các biến độc lập đều có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến quyết định áp dụng PMKT (Sig. < 0,05), với hệ số Beta chuẩn hóa như sau:

$$QBSD = -1,149 + 0,215 CPSP + 0,224 TNMR + 0,240 UTNCC + 0,174 TTPL + 0,198 BMPL + 0,246 HTBH$$

Kiểm định đa cộng tuyến (VIF) cho thấy không có dấu hiệu vi phạm giả định ($VIF < 2$).

Thứ tự ảnh hưởng của các nhân tố: Hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng (HTBH), Uy tín và độ tin cậy của nhà cung cấp (UTNCC), Tính năng và khả năng mở rộng (TNMR), Chi phí sử dụng phần mềm (CPSP), Tính bảo mật và pháp lý (BMPL), Tuân thủ pháp luật và quy định tài chính (TTPL)

Gợi ý giải pháp nâng cao ứng dụng phần mềm kế toán

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và định hướng phát triển doanh nghiệp tư nhân theo Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc nâng cao tỷ lệ ứng dụng PMKT trong khối DNN&V trở thành yêu cầu thiết yếu. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm và các định hướng chính sách hiện hành, các giải pháp sau được đề xuất nhằm thúc đẩy mạnh mẽ việc áp dụng PMKT:

Một là, tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng. Chất lượng hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ bảo trì sau bán hàng là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến quyết định sử dụng PMKT của doanh nghiệp ($\beta = 0,246$). Do đó, các nhà cung cấp phần mềm cần xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng 24/7, cung cấp kênh hỗ trợ trực tuyến, tài liệu hướng dẫn sử dụng chi tiết, và cập nhật phần mềm thường xuyên. Đồng thời, nên mở rộng mạng lưới đại lý hỗ trợ tại các địa phương.

Hai là, tối ưu hóa chi phí sử dụng phần mềm. Chi phí là rào cản lớn đối với DNN&V khi tiếp cận công nghệ. Cần triển khai các chính sách miễn/giảm phí phần mềm kế toán, đặc biệt đối với doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh đang trong quá trình chuyển đổi. Theo Bộ Tài chính, chương trình hỗ trợ hiện nay đã bao gồm phần mềm hóa đơn, kê khai thuế và kế toán miễn phí cho hơn 5 triệu hộ kinh doanh - cần tiếp tục nhân rộng và nâng cấp các nền tảng này.

Ba là, củng cố uy tín và độ tin cậy của nhà cung cấp phần mềm. Các nhà cung cấp cần chứng minh tính ổn định và tin cậy thông qua việc đạt các chứng chỉ bảo mật quốc tế, có lịch sử hoạt động lâu dài, và được đánh giá cao bởi người dùng. Để nâng cao niềm tin, cần công khai thông tin minh bạch, có chính sách hoàn tiền, và cho phép dùng thử phần mềm.

Bốn là, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu và tuân thủ pháp lý. Một phần mềm tốt phải tích hợp đầy đủ các tính năng bảo mật như mã hóa dữ liệu, xác thực đa lớp, kiểm soát quyền truy cập. Đồng thời, phải đảm

bảo tuân thủ các quy định pháp luật về kế toán, thuế và bảo hiểm xã hội - yếu tố ngày càng quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số và siết chặt kiểm soát tài chính doanh nghiệp.

Năm là, cải tiến tính năng và khả năng mở rộng của phần mềm. PMKT cần liên tục nâng cấp để đáp ứng nhu cầu nghiệp vụ kế toán đa dạng, đồng thời phải có khả năng tích hợp với các hệ thống khác như ERP, ngân hàng, hóa đơn điện tử... Việc tùy chỉnh theo quy mô và ngành nghề cũng là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp linh hoạt sử dụng trong dài hạn.

Sáu là, cải thiện trải nghiệm người dùng và tính khả dụng. Các nhà phát triển cần thiết kế giao diện thân thiện, dễ thao tác, hỗ trợ đa ngôn ngữ và có các video hướng dẫn cụ thể. Việc giảm thời gian học phần mềm và tăng khả năng tự học là yếu tố giúp doanh nghiệp triển khai nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Liên hệ chính sách và điều kiện thực hiện

Các giải pháp trên chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu đi kèm với môi trường chính sách thuận lợi. Cụ thể:

Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý và tiêu chuẩn kế toán cho phần mềm, thúc đẩy số hóa các thủ tục hành chính, giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết như yêu cầu cao về nhân lực kế toán hoặc hệ thống báo cáo quá phức tạp. Các Bộ, ngành cần phối hợp xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu kế toán - thuế - bảo hiểm, kết nối PMKT với hệ thống quản lý của Nhà nước theo chuẩn API mở.

Các tổ chức đào tạo cần mở rộng chương trình huấn luyện kế toán số cho các đối tượng DNN&V, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận công nghệ và nhân lực.

Kết luận: Việc ứng dụng PMKT trong DNN&V không chỉ là giải pháp công nghệ mà còn là chiến lược nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và đáp ứng yêu cầu minh bạch. Với sự hỗ trợ từ chính sách vĩ mô, cải tiến từ phía nhà cung cấp và ý thức chuyển đổi từ doanh nghiệp, tỷ lệ ứng dụng PMKT tại Việt Nam sẽ được nâng cao bền vững và toàn diện

Tài liệu tham khảo:

- Davis, F.D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340.
- DeLone, W. H., & McLean, E. R. (1992). "Information systems success: The quest for the dependent variable." *Information Systems Research*, 3(1), 60-95.
- DeLone, W. H., & McLean, E. R. (2003). "The DeLone and McLean model of information systems success: A ten-year update." *Journal of Management Information Systems*, 19(4), 9-30.
- Nguyễn, T.H., & Nguyễn, L.H. (2020). Determinants of accounting software adoption in Vietnamese small enterprises. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 27(1), 55-72.
- Phạm, H.T., Ngô, T.D., & Lê, T.H. (2021). Adoption of accounting software by Vietnamese SMEs: Legal compliance perspective. *International Journal of Accounting and Information Management*, 29(2), 233-250.
- Venkatesh, V., Thong, J.Y.L., & Xu, X. (2012). Consumer acceptance and use of information technology: Extending the unified theory of acceptance and use of technology. *MIS Quarterly*, 36(1), 157-178.